

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT THU HỒI

Để thực hiện dự án: Khu dân cư mới Hồ Thỏ Hồng (Đợt 2, năm 2026)

(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của UBND xã Đại Phúc)

| STT  | Họ và tên của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản | Địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay)   | Địa chỉ thửa đất                             | Theo bản đồ địa chính xã Đại Phúc |         | Bản đồ địa chính (Đo đạc, Trích lục-Chính lý) |         | Tổng diện tích đất thu hồi (m2) | Diện tích đất trong chỉ giới, ngoài chỉ giới thu hồi |                             | Loại đất | Ghi chú                        |
|------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|---------|-----------------------------------------------|---------|---------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|--------------------------------|
|      |                                                        |                                              |                                              | Số tờ                             | Số thửa | Số tờ                                         | Số Thửa |                                 | Trong chỉ giới thu hồi (m2)                          | Ngoài chỉ giới thu hồi (m2) |          |                                |
| a    | b                                                      | c                                            | d                                            | e                                 | f       | g                                             | h       | l                               | 2                                                    | 3                           | 4        | 5                              |
| 1    | Ông Nguyễn Văn Cang và bà Ngô Thị Quý                  | Xóm Hồng Thái, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên | Xóm Hồng Thái, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên | 261                               | 109     | 46                                            | 109     | 5.343,5                         | 5.343,5                                              |                             | RSX      | Thu hồi hết diện tích thửa đất |
|      |                                                        |                                              |                                              | 261                               | 144     | 46                                            | 144     | 2.638,8                         | 2.540,0                                              | 98,8                        | CLN      | Thu hồi hết diện tích thửa đất |
| Tổng |                                                        |                                              |                                              |                                   |         |                                               |         | 7.982,3                         | 7.883,5                                              | 98,8                        |          |                                |